



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 1661/QĐ – VPCNCLQG
ngày 11 tháng 06 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Bộ phận Kiểm nghiệm
Phòng Quản lý chất lượng – Thị trường kinh doanh

Laboratory: Laboratory Testing
Quality Management Department – Business Market

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông

Organization: ChuProng Rubber Company Limited

Số hiệu/ Code: VILAS 526

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria: ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Hóa, Cơ

Field: Chemical, Mechanical

Người quản lý: Phan Quốc Ngọc

Laboratory manager:

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày 11/06/2025 đến ngày 10/01/2027

Địa chỉ: Xã IaDrang, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai

Address: Ia Drang Village, ChuProng District, Gia Lai Province

Địa điểm:
Location: Xã IaDrang, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai
Ia Drang Village, ChuProng District, Gia Lai Province

Điện thoại/ Tel: 0269 3790023

Email: kiemphamchuprong@gmail.com



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 526

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa, Cơ

Field of testing: *Chemical, Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Cao su thiên nhiên <i>Natural rubber</i>	Xác định hàm lượng tạp chất <i>Determination of dirt content</i>	(0,009 ~ 0,073) %	TCVN 6089:2016 (ISO 249:2016)
2.		Xác định hàm lượng tro Phương pháp A <i>Determination of ash content A method</i>	(0,165 ~ 0,666) %	TCVN 6087:2010 (ISO 247:2006)
3.		Xác định hàm lượng chất bay hơi Phương pháp cân nóng và phương pháp tủ sấy - Quy trình A <i>Determination of volatile content Hot-mill method and oven method - A Process</i>	(0,23 ~ 0,72) %	TCVN 6088-1:2014 (ISO 248-1:2011)
4.		Xác định hàm lượng Nitơ Phương pháp bán vi lượng, sử dụng bộ chung cất Kjeldahl <i>Determination of Nitrogen content Semi micro Kjeldahl method</i>	(0,28 ~ 0,55) %	TCVN 6091:2016 (ISO 1656:2014)
5.		Xác định độ dẻo Phương pháp máy đo độ dẻo nhanh <i>Determination of plasticity Rapid Plastimeter method</i>	34,4 ~ 44,9	TCVN 8493:2010 (ISO 2007:2007)
6.		Xác định chỉ số duy trì độ dẻo <i>Determination of plasticity retention index</i>	64,0 ~ 90,8	TCVN 8494:2020 (ISO 2930:2009)
7.		Xác định độ nhớt Mooney Phương pháp sử dụng nhớt kế đĩa trượt <i>Determination of Mooney viscosity Method using a shearing-disc viscometer</i>	49,8 ~ 86,6	TCVN 6090-1:2015 (ISO 289-1:2015)
8.		Xác định chỉ số màu <i>Determination of Colour index</i>	3,5 ~ 5,3	TCVN 6093:2013 (ISO 4660:2011)
9.		Thử gia tăng độ cứng khi tồn trữ <i>Accelerated storage hardening test</i>	3,4 ~ 6,6	PPNB 01:2015

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 526

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
10.	Latex cao su thiên nhiên cô đặc <i>Natural rubber Latex</i>	Xác định tổng hàm lượng chất rắn <i>Determination of total solids content</i>	(61,26 ~ 63,36) %	TCVN 6315:2015 (ISO 124:2014)
11.		Xác định hàm lượng cao su khô <i>Determination of dry rubber content</i>	(60,11 ~ 62,09) %	TCVN 4858:2007 (ISO 126:2005)
12.		Xác định độ kiềm <i>Determination of alkalinity</i>	(0,623 ~ 0,756) %	TCVN 4857:2015 (ISO 125:2011)
13.		Xác định độ ổn định cơ học <i>Determination of mechanical stability</i>	(377 ~ 1187) s	TCVN 6316:2007 (ISO 35:2004)
14.		Xác định trị số axit béo bay hơi <i>Determination of volatile fatty acid number</i>	(0,0141 ~ 0,0313) %	TCVN 6321:1997 (ISO 506:1992)
15.		Xác định trị số KOH <i>Determination of KOH number</i>	(0,368 ~ 0,546) %	TCVN 4856:2015 (ISO 127:2012)
16.		Xác định pH <i>Determination of pH value</i>	10,38 ~ 10,90	TCVN 4860:2015 (ISO 976:2013)



Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese National Standard*
- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*
- PPNB 01: Phương pháp do PTN tự xây dựng/ *Laboratory's developed method*

Trường hợp Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for ChuProng Rubber Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.* ✓

Ưng